

Biểu mẫu 10*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)***PHÒNG GD&ĐT TX ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HỒNG THÁI TÂY****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THÔNG BÁO****Công khai thông tin chất lượng giáo dục trường THCS Hồng Thái Tây
Năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	420	125	116	91	88
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	89,29	89,6	87,93	83,52	96,59
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	9,76	0/0	12,07	13,19	2,27
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0,71	0/0	0/0	3,30	0/0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0,24	0/0	0/0	1,10	0/0
II	Số học sinh chia theo học lực	420	125	116	91	88
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	18,33	13,6	18,97	17,58	25,00
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	42,62	39,2	40,52	47,25	45,45
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	37,14	44	37,07	35,16	29,55
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1,90	3,2	3,45	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm học	420	125	116	91	88
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99,048	96,8	100	100	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	18,33	13,6	18,97	17,58	25
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	43,73	0	40,52	46,15	45,45
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0,95	3,2	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1,67	1,6	1,72	1,10	2,27
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, KHKT					
1	Cấp huyện					3
2	Cấp tỉnh/thành phố					
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					88
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					88
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					25
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					45,45
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					29,55
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	226/194	65/60	69/47	46/45	46/42
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	11	4	1	4	2